

Số: /QĐ-UBND-HC

Tam Nông, ngày tháng năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt quyết toán công trình  
Nạo vét, nâng cấp thủy lợi nội đồng, công ô bao số 6**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;*

*Căn cứ Thông tư 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;*

*Theo đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 87/TTr-TCKH ngày 15 tháng 8 năm 2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành

- Tên dự án: Nạo vét, nâng cấp thủy lợi nội đồng, công ô bao số 6.
- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Tam Nông.
- Địa điểm: Xã An Hòa, An Long, Phú Ninh, huyện Tam Nông.
- Thời gian khởi công: Ngày 21 tháng 3 năm 2022.
- Thời gian hoàn thành: Ngày 18 tháng 7 năm 2022.

**Điều 2.** Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư

*Đơn vị tính: đồng*

| Số TT | Nội dung                       | Tổng mức đầu tư dự án hoặc dự toán được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối | Giá trị quyết toán được phê duyệt |
|-------|--------------------------------|--|-----------------------------------|
|       | <b>Tổng số</b>                 | <b>1.068.464.000</b>   | <b>914.081.000</b>                |
| 1     | Bồi thường, hỗ trợ tái định cư | 0  | 0                                 |
| 2     | Xây dựng                       | 699.494.000  | 642.994.000                       |

|   |               |             |             |
|---|---------------|-------------|-------------|
| 3 | Thiết bị      | 0           | 0           |
| 4 | Quản lý dự án | 22.719.000  | 22.719.000  |
| 5 | Tư vấn        | 266.563.000 | 242.984.000 |
| 6 | Chi phí khác  | 25.341.000  | 5.384.000   |
| 7 | Dự phòng      | 54.347.000  | 0           |

## 2. Vốn đầu tư

Đơn vị tính: đồng

| Số TT | Nội dung                          | Tổng mức đầu tư dự án hoặc dự toán được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối | Thực hiện                         |                     |  |  |
|-------|-----------------------------------|--|-----------------------------------|---------------------|--|--|
|       |                                   |  | Giá trị quyết toán được phê duyệt | Số vốn đã giải ngân | Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán được duyệt | Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được duyệt |
| 1     | 2                                 | 3  | 4                                 | 5                   | 6=4-5  | 7=5-4  |
|       | <b>Tổng</b>                       | <b>1.068.464.000</b>   | <b>914.081.000</b>                | <b>908.900.000</b>  | <b>5.181.000</b>   |  |
|       | <b>Nguồn vốn đầu tư</b>           | <b>1.068.464.000</b>   | <b>914.081.000</b>                | <b>908.900.000</b>  | <b>5.181.000</b>   |  |
| 1     | Vốn hỗ trợ đất trồng lúa năm 2021 |  |                                   | 200.000.000         |  |  |
| 2     | Vốn hỗ trợ đất trồng lúa năm 2022 |  |                                   | 708.900.000         |  |  |

## 3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư

Đơn vị tính: đồng

| Số TT          | Nội dung                          | Thuộc chủ đầu tư quản lý |                 | Giao đơn vị khác quản lý |                    |
|----------------|-----------------------------------|--------------------------|-----------------|--------------------------|--------------------|
|                |                                   | Giá trị thực tế          | Giá trị quy đổi | Giá trị thực tế          | Giá trị quy đổi    |
| <b>Tổng số</b> |                                   |                          |                 | <b>914.081.000</b>       | <b>914.081.000</b> |
| 1              | Tài sản dài hạn (tài sản cố định) |                          |                 | 914.081.000              | 914.081.000        |
| 2              | Tài sản ngắn hạn                  |                          |                 |                          |                    |

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Không.

a) Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng:

b) Chi phí không tạo nên tài sản:

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: Không.

### **Điều 3.** Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư

a) Được phép tất toán chi phí và vốn đầu tư

*Đơn vị tính: đồng*

| <b>Số TT</b>            | <b>Nội dung</b>                   | <b>Số tiền</b>     | <b>Ghi chú</b> |
|-------------------------|-----------------------------------|--------------------|----------------|
| <b>Tổng</b>             |                                   | <b>914.081.000</b> |                |
| <b>Nguồn vốn đầu tư</b> |                                   | <b>914.081.000</b> |                |
| 1                       | Vốn hỗ trợ đất trồng lúa năm 2021 | 200.000.000        |                |
| 2                       | Vốn hỗ trợ đất trồng lúa năm 2022 | 714.081.000        |                |

b) Các khoản công nợ tính đến ngày 12 tháng 8 năm 2022

- Tổng nợ phải thu: Không có.

- Tổng nợ phải trả: **5.181.000** đồng (trả Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Tam Nông chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn hoàn thành).

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản

Được phép ghi tăng tài sản:

*Đơn vị tính: đồng*

| <b>Số TT</b> | <b>Tên đơn vị tiếp nhận tài sản</b>                      | <b>Tài sản dài hạn/cố định</b> | <b>Tài sản ngắn hạn</b> |
|--------------|--|--------------------------------|-------------------------|
| <b>Tổng</b>  |  | <b>914.081.000</b>             |                         |
| 1            | Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Tam Nông | 914.081.000                    |                         |

3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan

- Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt quyết toán, Chủ đầu tư có trách nhiệm bàn giao hồ sơ, tài sản cho đơn vị tiếp nhận tài sản và đến Kho bạc Nhà nước huyện làm thủ tục tất toán công trình trong thời gian 60 ngày.

- Đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm điều chỉnh bổ sung tăng, giảm tài sản đúng theo quy định.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Thủ trưởng các đơn vị: Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kho bạc Nhà nước huyện và Giám đốc Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 5;
- CT, các PCT UBND huyện;
- UBND các xã: An Hoà, An Long, Phú Ninh;
- LĐVP;
- Lưu: VP+NC/KTN(Tân).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hữu Nghĩa**